

Mẫu hợp đồng hợp tác kinh doanh

HỢP ĐỒNG HỢP TÁC KINH DOANH

Căn cứ Luật Đầu tư 2005 và các văn bản pháp lý khác có liên quan, các Bên dưới đây mong muốn được tiến hành hoạt động đầu tư tại Cộng hoà Xã hội chủ nghĩa Việt Nam theo hình thức Hợp đồng hợp tác kinh doanh với nội dung và phạm vi được quy định trong Hợp đồng này như sau:

A. Bên (các Bên) Việt Nam:

1. Tên công ty:
2. Đại diện được uỷ quyền:
Chức vụ:
3. Trụ sở chính:
Điện thoại: Fax:
4. Ngành nghề kinh doanh chính:
5. Giấy phép thành lập công ty:
Đăng ký tại: Ngày:

B. Bên (các Bên) nước ngoài:

1. Tên công ty hoặc cá nhân:
2. Đại diện được uỷ quyền:
Chức vụ:
Quốc tịch:
Địa chỉ thường trú:
3. Trụ sở chính:
Điện thoại: Fax:
4. Ngành nghề kinh doanh chính:
5. Giấy phép thành lập công ty:
Đăng ký tại: Ngày:

Ghi chú: Nếu một hoặc cả hai Bên hợp doanh gồm nhiều thành viên, thì từng thành viên sẽ mô tả đầy đủ theo các chi tiết nêu trên; Mỗi Bên cần chỉ định đại diện được uỷ quyền của mình.

Cùng thoả thuận ký Hợp đồng hợp tác kinh này với các điều khoản và điều kiện sau đây:

Điều 1:

Mục tiêu hợp tác kinh doanh trên cơ sở Hợp đồng
(mô tả chi tiết nội dung và phạm vi hợp tác kinh doanh)

Điều 2:

1. Địa điểm thực hiện:
2. Năng lực sản xuất: Hàng hoá/dịch vụ vào năm sản xuất ổn định
(Chia thành sản phẩm chính và phụ - nếu cần thiết)
3. Sản phẩm của Hợp đồng hợp tác kinh doanh này sẽ được tiêu thụ:
- Tại thị trường Việt Nam:% sản phẩm
- Tại thị trường nước ngoài:% sản phẩm
4. Văn phòng điều hành của Bên nước ngoài (nếu có)
Địa chỉ:.....

Điện thoại: : Fax:

Điều 3

Trách nhiệm của các Bên hợp doanh trong việc góp vốn để thực hiện Hợp đồng:

a) Bên (các Bên) Việt Nam: góp bằng (*quyền sử dụng đất, máy móc thiết bị, nguyên vật liệu, bộ phận rời, linh kiện, tiền mặt, các chi phí khác*)

b) Bên (các Bên) nước ngoài: góp bằng (*máy móc thiết bị, nguyên vật liệu, bộ phận rời, linh kiện, tiền nước ngoài, các chi phí khác*).

Nếu vào thời điểm đóng góp thực tế, những giá trị trên đây thay đổi so với giá trị hiện tại thì các Bên phải thoả thuận về những sửa đổi đó và báo cáo Cơ quan cấp Giấy phép đầu tư xem xét và chuẩn y.

Trong trường hợp một Bên không có khả năng hoàn thành nghĩa vụ như đã thoả thuận thì Bên đó phải thông báo cho các Bên kia biết lý do và những biện pháp xử lý trước ngày. Thiệt hại thực tế và chính đáng do sự chậm trễ hay không có khả năng thực hiện nghĩa vụ của một Bên gây ra, sẽ được bồi thường theo thoả thuận của các Bên; trong trường hợp không thoả thuận được thì sẽ do cơ quan xét xử hoặc trọng tài quy định tại Điều 10 Hợp đồng này quyết định.

Điều 4:

Các trách nhiệm, nghĩa vụ khác của các Bên trong việc thực hiện Hợp đồng:

- Bên Việt Nam:

- Bên nước ngoài:

(*Quy định cụ thể Bên chịu trách nhiệm, thời hạn hoàn thành.... trong từng việc như tổ chức và quản lý sản xuất, quản lý kỹ thuật và công nghệ, mua sắm thiết bị, nguyên liệu, tiêu thụ sản phẩm*).

Điều 5:

Trong quá trình thực hiện Hợp đồng, các Bên thoả thuận cơ chế giám sát như sau:

(*Miêu tả cụ thể cơ chế, trong đó có thể thành lập Ban điều phối, Văn phòng điều hành của Bên nước ngoài bao gồm phương thức thành lập, hoạt động, quyền hạn, trách nhiệm*).

Điều 6:

Thời hạn Hợp đồng này là năm kể từ ngày được cấp Giấy phép đầu tư. Bất kỳ sự thay đổi nào về thời hạn của Hợp đồng phải được các Bên thoả thuận và báo cáo cơ quan cấp Giấy phép đầu tư xem xét và chuẩn y.

Nếu một Bên hợp doanh muốn kéo dài thời hạn Hợp đồng ngoài thời hạn đã được thoả thuận phải thông báo cho (các) Bên kia ít nhất là tháng trước ngày Hợp đồng hết hạn. Nếu các Bên thoả thuận kéo dài thời hạn Hợp đồng thì phải báo cáo Cơ quan cấp Giấy phép đầu tư xem xét trong thời hạn ít nhất là 6 tháng trước khi hết hết hạn Hợp đồng.

Điều 7:

Kể từ ngày được cấp Giấy phép đầu tư, Hợp đồng này được thực hiện theo tiến độ sau:

1. Khởi công xây dựng: từ tháng thứ
2. Lắp đặt thiết bị: từ tháng thứ.....
3. Vận hành thử: từ tháng thứ
4. Sản xuất chính thức: từ tháng thứ

Điều 8:

1. (Các) Bên nước ngoài thực hiện đầy đủ nghĩa vụ thuế và các nghĩa vụ tài chính khác theo quy định tại Giấy phép đầu tư. *(ghi rõ phương thức nộp thuế thu nhập doanh nghiệp và thuế chuyển lợi nhuận ra nước ngoài của Bên nước ngoài: nộp trực tiếp, Bên Việt Nam nộp hộ v.v....).*

2. (Các) Bên Việt Nam thực hiện đầy đủ nghĩa vụ thuế và nghĩa vụ tài chính khác theo quy định của các văn bản quy phạm pháp luật áp dụng đối với Doanh nghiệp trong nước và các quy định tại Giấy phép đầu tư.

Lưu ý: cần xác định rõ Bên chịu trách nhiệm nộp các loại thuế chung liên quan đến thực hiện Hợp đồng như thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu, thuế giá trị gia tăng

Điều 9:

Các Bên tham gia Hợp đồng thoả thuận chia sản phẩm và / hoặc lợi nhuận, các khoản lỗ thông qua việc thực hiện Hợp đồng như sau:

- (các) Bên Việt Nam *(ghi rõ từng Bên, nếu cần thiết)*
- (các) Bên Nước ngoài *(ghi rõ từng Bên, nếu cần thiết)*

Điều 10:

Tranh chấp giữa các Bên có liên quan, hoặc phát sinh từ Hợp đồng trước hết phải được giải quyết thông qua thương lượng và hoà giải. Trong trường hợp các Bên tranh chấp vẫn không thoả thuận được với nhau thì vụ tranh chấp sẽ được đưa ra... *(ghi rõ tên và địa chỉ Toà án hoặc tổ chức trọng tài).*

Quyết định của.....(tổ chức trên) là chung thẩm và các Bên phải tuân theo.

Điều 11:

Các Bên có quyền chuyển nhượng giá trị phần vốn của mình trong Hợp đồng, theo các qui định tại Điều 34 Luật Đầu tư nước ngoài và các điều khoản liên quan của Nghị định 24/2000/NĐ-CP của Chính phủ.

Điều 12 :

Hợp đồng hợp tác kinh doanh này có thể chấm dứt hoạt động trước thời hạn và / hoặc kết thúc trong các trường hợp sau:

(mô tả chi tiết các trường hợp, phù hợp với các quy định tại Điều 52 Luật Đầu tư nước ngoài và các điều khoản liên quan của Nghị định 24/2000/NĐ-CP của Chính phủ).

Điều 13:

Khi Hợp đồng hết hạn, các Bên thoả thuận việc thanh lý các tài sản liên quan đến quyền lợi và nghĩa vụ của các Bên trong Hợp đồng hợp tác kinh doanh như sau:

(Mô tả chi tiết các điều kiện có liên quan đến quyền hạn, nghĩa vụ, tài sản phù hợp với các quy định tại Điều 53 Luật Đầu tư nước ngoài và các điều khoản liên quan của Nghị định 24/2000/NĐ-CP)

Điều 14:

Mọi điều khoản khác có liên quan không được quy định cụ thể tại Hợp đồng hợp tác kinh doanh này sẽ được các Bên thực hiện theo quy định của pháp luật Việt Nam và của Giấy phép đầu tư.

Điều 15:

Hợp đồng hợp tác kinh doanh này có thể được sửa đổi, bổ sung sau khi có thoả thuận bằng văn bản giữa các Bên và phải được cơ quan cấp Giấy phép đầu tư chuẩn y trước khi thực hiện.

Điều 16:

Hợp đồng này có hiệu lực kể từ ngày được cấp Giấy phép đầu tư.

Điều 17:

Hợp đồng hợp tác kinh doanh này được ký ngày, tại....., gồm bản gốc bằng tiếng Việt Nam và bằng tiếng (*tiếng nước ngoài thông dụng*). Cả hai bản tiếng Việt Nam và tiếng đều có giá trị pháp lý như nhau.

Đại diện
Bên (các Bên) nước ngoài
(Ký tên, chức vụ và dấu)

Đại diện
Bên (các Bên) Việt Nam
(Ký tên, chức vụ và dấu)

Trường hợp có nhiều Bên: từng bên sẽ ký, ghi rõ chức vụ người đại diện ký, đóng dấu.